



## MARKET LENS

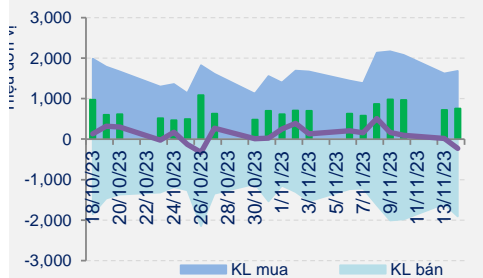
Phiên giao dịch ngày: 14/11/2023

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

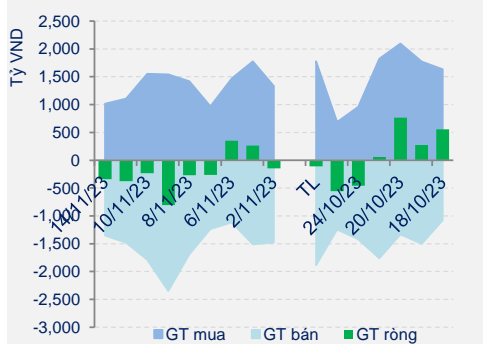
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,109.73	227.43
% Thay đổi	↑ 0.88%	↑ 0.58%
KLGD (CP)	759,533,857	92,381,535
GTGD (tỷ đồng)	16,993.98	1,713.58
Tổng cung (CP)	1,909,723,721	150,034,900
Tổng cầu (CP)	1,683,757,309	135,017,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	42,284,532	2,552,435
KL mua (CP)	33,269,131	1,043,981
GT mua (tỷ đồng)	1,016.68	19.80
GT bán (tỷ đồng)	1,354.68	47.70
GT ròng (tỷ đồng)	(338.01)	(27.91)

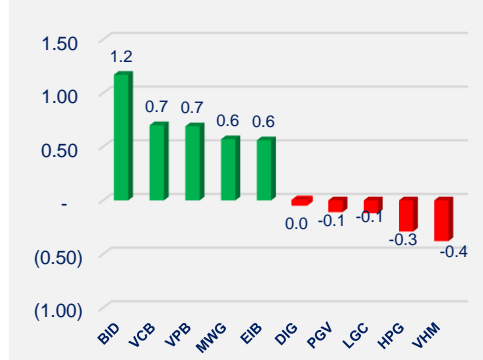
## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



## Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Tiếp đà tâm lý tích cực sau phiên ATC phiên trước khi VN-Index giữ được vùng hỗ trợ tâm lý 1.100 điểm, VN-INDEX mở đầu phiên hôm nay tiếp tục tăng điểm lên vùng 1.110 điểm với thanh khoản cải thiện tốt, áp lực điều chỉnh rung lắc trong phiên chiều gia tăng khi lượng cổ phiếu giá cao ngày 10/11/2023 về tài khoản dẫn đến VN-INDEX điều chỉnh về vùng 1.100 điểm sau đó phục hồi tốt trở lại. Kết phiên VN-INDEX tăng 9,66 điểm (+0,88%) lên mức 1.109,73 điểm. HNX-INDEX kết phiên tăng 1,32 điểm (+0,58%) lên 227,43 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết tích cực trở lại với 467 mã tăng giá (15 mã tăng trần), 230 mã giảm giá (04 mã giảm sàn) và 154 mã giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn đạt 18.700,93 tỷ đồng, tăng nhẹ 4,89% so với phiên trước, trên mức trung bình, thể hiện thị trường vẫn khá tích cực khi điều chỉnh với thanh khoản giảm, thanh khoản tăng khi giá phục hồi tăng. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng với giá trị 338,01 tỷ đồng trên HOSE, tập trung bán ròng ở nhóm cổ phiếu bán lẻ, bất động sản, thép; bán ròng trên HNX với giá trị 27,91 tỷ đồng sau khi mua ròng đột biến nhiều phiên liên tiếp.

Theo Quyết định số 1336/QĐ-TTg mới được phê duyệt, sau năm 2025 SCIC định hướng trở thành tổ chức đầu tư tài chính có quy mô vốn chủ sở hữu hàng đầu tại Việt Nam. Mục tiêu của Chiến lược phát triển đến 2030 và tầm nhìn 2035 của SCIC là tiếp tục tập trung triển khai tiếp nhận, cổ phần hóa, tái cơ cấu, bán vốn tại các doanh nghiệp Nhà nước không cần nắm giữ vốn, thực hiện tốt và có hiệu quả vai trò là định chế, cộng cụ của Chính phủ để hỗ trợ, thúc đẩy tiến trình cơ cấu lại, sắp xếp đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

Các cổ phiếu ngân hàng sau 03 phiên điều chỉnh đã có diễn biến khá tích cực, nổi bật ngay từ đầu phiên, nhiều mã thu hút lực cầu ngắn hạn tốt, thanh khoản gia tăng mạnh khi giá vượt lên vùng giá cao ngày 09/11/2023 khi VN-INDEX 1.125 điểm, nổi bật như EIB (+6,74%), VAB (+4,48%), SHB (+3,62%), MSB (+2,66%), LPB (+2,61%)... ngoài HDB (-0,27%).

Nhóm cổ phiếu cảng biển, vận tải biển cũng có diễn biến nổi bật, vượt vùng giá đỉnh gần nhất, thanh khoản khá đột biến với DXP (+7,32%), GMD (+3,50%), HAH (+1,95%), VSC (+1,66%)...

Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán tiếp tục thu hút dòng tiền khi nhiều mã thanh khoản tiếp tục gia tăng vượt trung bình, nhiều mã đã quay trở lại vùng giá cao ngày 09/11/2023 khi VN-INDEX ở mức 1.1125 điểm như SSI (+0,95%), SHS (+0,57%), HCM (+0,68%), VND (+0,99%)... ngoài PSI (-1,11%).

Các cổ phiếu nhóm nông nghiệp có diễn biến tích cực như LSS (+3,54%), BAF (+0,97%)..., thủy sản với IDI (+2,73%), ANV (+1,21%), CMX (+1,18%)... phân bón với DCM (+2,46%), BFC (+1,51%), DPM (+1,40%)... với thanh khoản cải thiện tốt.

Trong khi đó nhóm cổ phiếu bán lẻ MWG (+3,75%) mặc dù chịu áp lực bán ròng mạnh liên tiếp của khối ngoại, nhưng cũng đã phục hồi mạnh, thanh khoản gia tăng sau thông tin mảng bách hóa xanh có kỳ vọng sẽ chấm dứt đà thua lỗ, hiệu quả kinh doanh cải thiện, MSN (+0,97%), FRT (+0,68%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2311 tăng 13 điểm (1,17%) lấy lại điểm số đã giảm trong 02 phiên trước, chênh lệch dương 0,72 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch giảm, khối lượng mở OI giảm mạnh khi sắp đến thời điểm đáo hạn trong 02 phiên đến. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2312, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ -3,28 điểm đến -8,38 điểm, mức độ chênh lệch thu hẹp. Cho thấy các trader lạc quan ngắn hạn trở lại với VN30, dịch chuyển đầu cơ sang kỳ hạn quan trọng VN30F2312 và phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở các kỳ hạn lớn hơn.

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG**


Phiên hồi phục khá tốt hôm nay đúng như chúng tôi kỳ vọng và giúp VnIndex gần như test hỗ trợ 1.100 điểm thành công tạo cơ sở cho nhịp hồi phục tiếp theo, chốt phiên VnIndex tăng +9,66 điểm (+0,88%) và đóng cửa ở 1.109,73 điểm. Trong ngắn hạn thị trường đang trong giai đoạn hồi phục kỹ thuật tích cực, do nhịp giảm điểm thời gian qua rất mạnh nên nhịp hồi kỹ thuật được kỳ vọng sẽ tiếp diễn trước khi chỉ số vận động swing với biên độ hẹp dần và ngưỡng kháng cự của Vn-Index ở khu vực quanh 1.150 điểm. Với trạng thái hồi phục hiện tại, khu vực cân bằng mới để tích lũy lại có khả năng trong vùng điểm 1.100 điểm - 1.150 điểm.

Thị trường trong trung hạn đang trong giai đoạn tìm kiếm vùng cân bằng mới và tích lũy lại trong khu vực 1.100 điểm - 1.150 điểm sau đợt giảm sâu. Với diễn biến vĩ mô trong và ngoài nước hiện tại, việc thị trường hướng tới vận động tìm điểm cân bằng lại để tích lũy là phù hợp.

Thị trường trong ngắn hạn vẫn có thể tiếp diễn xu hướng tăng điểm nhưng mọi nỗ lực phục hồi ngắn hạn đều mang tính kỹ thuật và hàm chứa rủi ro. Nhà đầu tư ngắn hạn nếu tham gia giai đoạn này chỉ nên duy trì tỷ trọng trung bình. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục, chờ cơ hội giải ngân thêm khi thị trường tích lũy ổn định trở lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

14/11/2023

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
MBS	20.90	15-16	24-25	17.5	18.9	25.4%	37.2%	Theo dõi chờ giải ngân
DCM	31.25	25-27	32-33	22	10.2	-9.0%	-89.9%	Theo dõi chờ giải ngân
PVS	37.20	30-32	38.5-40	29	20.2	19.2%	-26.6%	Theo dõi chờ giải ngân
HAH	34.05	26-28	34.5-35.5	24	7.3	-34.2%	-59.4%	Theo dõi chờ giải ngân
BFC	20.20	19.5-21	26-27	18	9.0	18.5%	1227.6%	Theo dõi chờ giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/2023	DPR	31.0	25.9	35-37	30	19.7%	Nắm giữ
1/11/2023	KBC	30.8	25.8	31-32	29	19.2%	Nắm giữ
1/11/2023	BVS	25.0	22.3	26-27	24	12.1%	Nắm giữ
1/11/2023	DTD	23.5	18.6	26-27	21.5	26.3%	Nắm giữ
2/11/2023	CTD	63.4	52	65-67	60	21.9%	Nắm giữ
2/11/2023	PLC	29.9	26.8	30-31	29	11.6%	Nắm giữ
8/11/2023	PVT	25.3	24.45	30-31	24	3.5%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	46.5	45.1	52-53	45	3.0%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

**Chiến lược phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2035 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước**

Phó Thủ tướng Lê Minh Khái ký Quyết định số 1336/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2035; Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển đến năm 2025 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC). Mục tiêu tổng quát của Chiến lược phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2035 của SCIC là tiếp tục tập trung triển khai nhiệm vụ tiếp nhận, cổ phần hóa, tái cơ cấu, bán vốn tại các doanh nghiệp Nhà nước không cần nắm giữ vốn, thực hiện tốt và có hiệu quả vai trò là định chế, công cụ của Chính phủ để hỗ trợ, thúc đẩy tiến trình cơ cấu lại, sắp xếp đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

**Triển khai các giải pháp công nghệ số, chuyển đổi số để tăng năng suất lao động**

Triển khai và giám sát thực hiện các giải pháp công nghệ số, dữ liệu số, chuyển đổi số để tăng năng suất lao động; chú trọng chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số...Mục tiêu cụ thể của Chương trình là tốc độ tăng năng suất lao động bình quân đạt trên 6,5%/năm. Cụ thể, tốc độ tăng năng suất lao động ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 6,5 - 7,0%/năm; tốc độ tăng năng suất lao động bình quân ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 7,0 - 7,5%/năm; tốc độ tăng năng suất lao động bình quân khu vực dịch vụ đạt 7,0 - 7,5%/năm.

**Đề xuất thu phí 1.900 đồng mỗi km vành đai 4 Hà Nội**

Tuyến cao tốc vành đai 4 được UBND Hà Nội đặt kế hoạch khai thác từ năm 2027 và thu phí hoàn vốn dự kiến 1.900 đồng trên 1 km mỗi xe tiêu chuẩn. UBND TP Hà Nội vừa đề nghị Bộ Giao thông - Vận tải và hai tỉnh Bắc Ninh, Hưng Yên thống nhất mức giá và lộ trình tăng phí dịch vụ sử dụng đường cao tốc cho dự án thành phần 3 theo phương thức đối tác công tư (PPP). Đây là cơ sở để hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án này, trong đó có phương án tài chính, hoàn vốn cho công trình.

**Mỹ trước nguy cơ mất nốt điểm tín nhiệm AAA cuối cùng**

Rủi ro bị hạ điểm tín nhiệm sẽ khiến Chính phủ Mỹ phải trả lãi suất cao hơn khi đi vay, làm gia tăng gánh nặng nợ nần giữa lúc nước này đã gánh khối nợ công và thâm hụt ngân sách khổng lồ... Mỹ vừa nhích thêm một bước tới chỗ để mất điểm tín nhiệm hoàn hảo AAA cuối cùng, khi tổ chức đánh giá tín nhiệm Moody's Investors Service vào hôm thứ Sáu vừa rồi hạ triển vọng tín nhiệm của nước này xuống mức 'tiêu cực'.



## TIN DOANH NGHIỆP

### FPT tiếp tục tăng trưởng 2 con số, thị trường nước ngoài tăng ấn tượng

Công ty cổ phần FPT (FPT - sàn HOSE) cho biết, doanh thu và lợi nhuận trước thuế trong 10 tháng năm 2023 đạt 42.465 tỷ đồng và 7.689 tỷ đồng, tăng 21% và 19,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế cho cổ đông công ty mẹ và EPS lần lượt đạt 5.407 tỷ đồng và 4.268 đồng/cổ phiếu, tăng 18,8% và 18,2%. Mảng Dịch vụ Công nghệ thông tin thị trường nước ngoài tiếp tục đà tăng trưởng ấn tượng đạt mức doanh thu 19.790 tỷ đồng, tương đương với mức tăng 29,8%, dẫn đầu bởi sức tăng đến từ thị trường Nhật Bản (tăng 44,1%) và APAC (tăng 35%).

### Viettel Contruction (CTR) lãi trước thuế 532,9 tỷ đồng trong 10 tháng 2023, tăng 16%

Tổng CTCP Công trình Viettel (Viettel Contruction, mã chứng khoán CTR – sàn HOSE) mới công bố tình hình sản xuất kinh doanh tháng 10/2023 và lũy kế 10 tháng năm 2023. Trong tháng 10, Viettel Contruction ghi nhận 1.117,6 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng trưởng 22% so với cùng kỳ năm 2022; lợi nhuận trước thuế đạt 66,2 tỷ đồng, tăng trưởng 10%. Lũy kế 10 tháng năm 2023, CTR đạt 9.241,7 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng trưởng 19% so với cùng kỳ năm 2022 và hoàn thành 89,4% kế hoạch cả năm (10.338,1 tỷ đồng).

### Thu hồi công nợ chậm, Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (ACC) hoãn trả cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 8%

Quý tiền mặt suy giảm và thấp hơn số tiền cổ tức phải trả cho cổ đông, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (mã ACC – sàn HoSE) đã hoãn trả cổ tức năm 2022. Công ty Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC thông qua việc hoãn chi trả cổ tức năm 2022. Lý do được Công ty Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đưa ra do trong năm 2023, các công trình thi công đang triển khai chưa được hoàn thành nghiệm thu như dự kiến dẫn đến việc thu hồi công nợ bị chậm trễ.

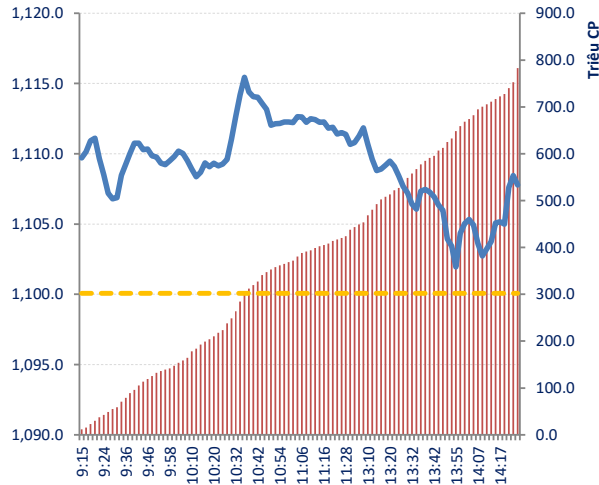
### ACBS tăng vốn điều lệ lên 4,000 tỷ đồng

Ngày 13/11/2023, Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) cho biết đã nhận được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và Bộ Tài chính về việc tăng vốn điều lệ thêm 1,000 tỷ đồng, lên mức 4,000 tỷ đồng. Nguồn vốn góp đến từ chủ sở hữu là ngân hàng mẹ - Ngân hàng TMCP Á Châu (HOSE: ACB). Sau tăng vốn, vốn chủ sở hữu của Công ty đạt hơn 5,500 tỷ đồng, tổng tài sản hơn 10,000 tỷ đồng. ACBS có đợt tăng vốn gần đây nhất vào tháng 6/2021, với số vốn tăng thêm 1,500 tỷ đồng, lên mức 3,000 tỷ đồng. Công ty đã sử dụng vốn vào các hoạt động kinh doanh cốt lõi như cho vay ký quỹ, kinh doanh vốn và hoạt động đầu tư.

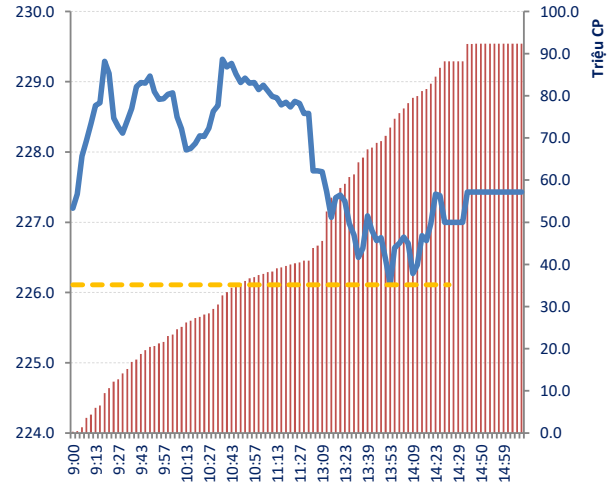


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

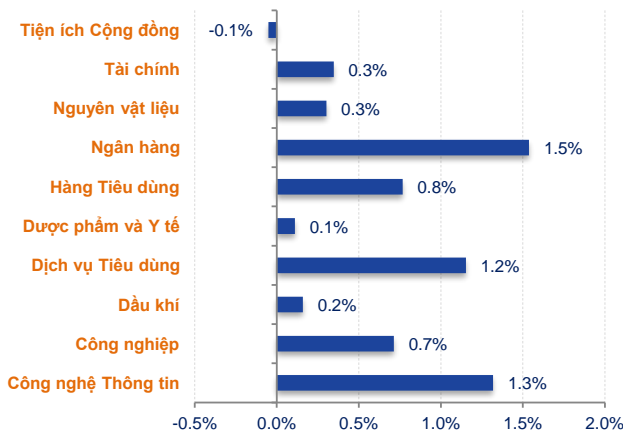
KLGD và VN-Index trong phiên



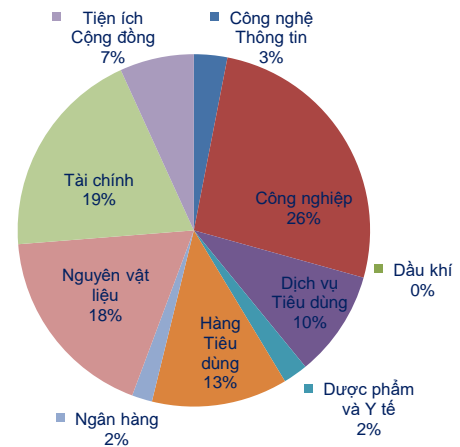
KLGD và HNX-Index trong phiên



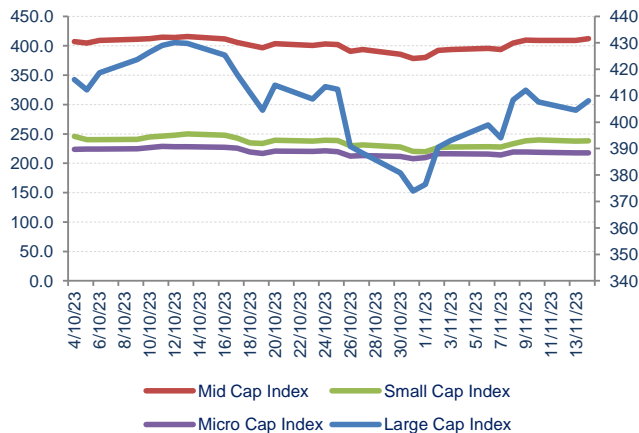
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



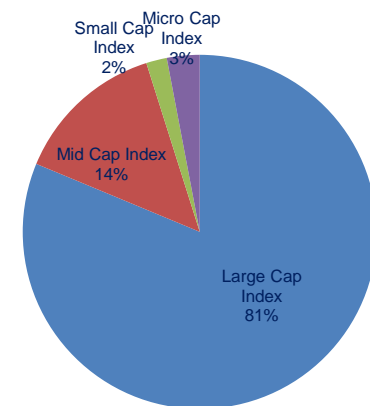
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SSI	2,822,092	MWG	3,120,477	1	VIG	48,000	TIG	565,000
2	STB	2,448,509	HPG	2,577,091	2	EVS	18,700	SHS	334,969
3	HSG	1,551,600	VNM	1,960,857	3	IVS	7,300	CEO	157,500
4	DXG	1,539,400	VHM	1,746,994	4	IDJ	5,100	MBS	131,270
5	VCG	1,421,300	SHB	1,415,779	5	PVI	3,600	PVS	84,700

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	11.05	11.45	↑ 3.62%	35,776,100	SHS	17.50	17.60	↑ 0.57%	33,716,750
VIX	15.95	16.15	↑ 1.25%	34,959,100	CEO	23.10	22.70	↓ -1.73%	14,293,800
EIB	17.80	19.00	↑ 6.74%	33,358,500	HUT	19.50	19.90	↑ 2.05%	4,150,029
NVL	15.75	16.10	↑ 2.22%	28,894,400	PVS	37.40	37.20	↓ -0.53%	3,910,122
SSI	31.45	31.75	↑ 0.95%	26,505,103	MBS	20.60	20.90	↑ 1.46%	3,712,027

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ST8	17.20	18.40	1.20	↑ 6.98%	VC6	12.30	13.50	1.20	↑ 9.76%
MHC	8.90	9.52	0.62	↑ 6.97%	PJC	20.50	22.50	2.00	↑ 9.76%
SRC	25.20	26.95	1.75	↑ 6.94%	VLA	19.50	21.40	1.90	↑ 9.74%
TDW	46.85	50.10	3.25	↑ 6.94%	SGC	56.00	61.30	5.30	↑ 9.46%
EVF	13.05	13.95	0.90	↑ 6.90%	VTC	12.90	14.10	1.20	↑ 9.30%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NVT	7.98	7.52	-0.46	↓ -5.76%	SDG	20.20	18.20	-2.00	↓ -9.90%
DTA	5.96	5.62	-0.34	↓ -5.70%	SFN	23.80	21.50	-2.30	↓ -9.66%
LGC	55.10	52.50	-2.60	↓ -4.72%	HCT	12.60	11.40	-1.20	↓ -9.52%
TIX	35.50	34.00	-1.50	↓ -4.23%	VIT	15.00	13.70	-1.30	↓ -8.67%
DBT	12.00	11.50	-0.50	↓ -4.17%	PGT	3.50	3.20	-0.30	↓ -8.57%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	35,776,100	15.9%	2,036	5.4	0.8
VIX	34,959,100	8.2%	1,005	15.9	1.2
EIB	33,358,500	8.3%	1,013	17.6	1.4
NVL	28,894,400	-1.4%	(309)	-	0.7
SSI	26,505,103	8.9%	1,346	23.4	2.1

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	33,716,750	5.4%	643	27.2	1.4
CEO	14,293,800	6.7%	955	24.2	1.9
HUT	4,150,029	0.8%	122	160.2	1.6
PVS	3,910,122	6.7%	1,846	20.3	1.3
MBS	3,712,027	10.4%	1,104	18.7	1.9

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ST8	↑ 7.0%	69.7%	7,932	2.2	1.6
MHC	↑ 7.0%	14.1%	1,794	5.0	0.6
SRC	↑ 6.9%	1.7%	258	97.9	1.6
TDW	↑ 6.9%	24.1%	6,381	7.3	1.7
EVF	↑ 6.9%	9.0%	1,090	12.0	1.1

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VC6	↑ 9.8%	9.7%	1,450	8.5	0.8
PJC	↑ 9.8%	19.2%	3,609	5.7	1.1
VLA	↑ 9.7%	4.0%	430	45.4	1.8
SGC	↑ 9.5%	18.9%	5,805	9.6	1.8
VTC	↑ 9.3%	-13.5%	(2,268)	-	0.9

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	2,822,092	8.9%	1,346	23.4	2.1
STB	2,448,509	17.5%	3,825	7.6	1.3
HSG	1,551,600	0.2%	37	579.2	1.2
DXG	1,539,400	-2.0%	(456)	-	0.9
VCG	1,421,300	2.8%	516	45.0	1.2

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VIG	48,000	6.8%	501	15.0	1.0
EVS	18,700	5.9%	688	12.3	0.7
IVS	7,300	3.4%	362	26.6	0.9
IDJ	5,100	4.0%	460	13.9	0.6
PVI	3,600	0.6%	205	221.2	1.3

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	477,867	22.6%	6,013	14.2	3.0
BID	212,964	17.6%	3,887	10.8	1.8
GAS	181,442	19.0%	5,283	15.0	2.9
VHM	180,053	25.0%	9,468	4.4	1.0
VIC	170,864	2.7%	977	45.8	1.2

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	17,876	6.7%	1,846	20.3	1.3
HUT	17,404	0.8%	122	160.2	1.6
IDC	16,005	17.0%	3,177	15.3	2.9
SHS	14,230	5.4%	643	27.2	1.4
THD	13,860	2.9%	460	78.3	2.3

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PIT	2.75	-0.6%	(47)	-	0.9
CTS	2.48	7.9%	1,020	25.2	1.9
VIX	2.47	8.2%	1,005	15.9	1.2
VPD	2.45	-0.5%	(97)	-	0.9
FCN	2.44	1.1%	232	59.6	0.6

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

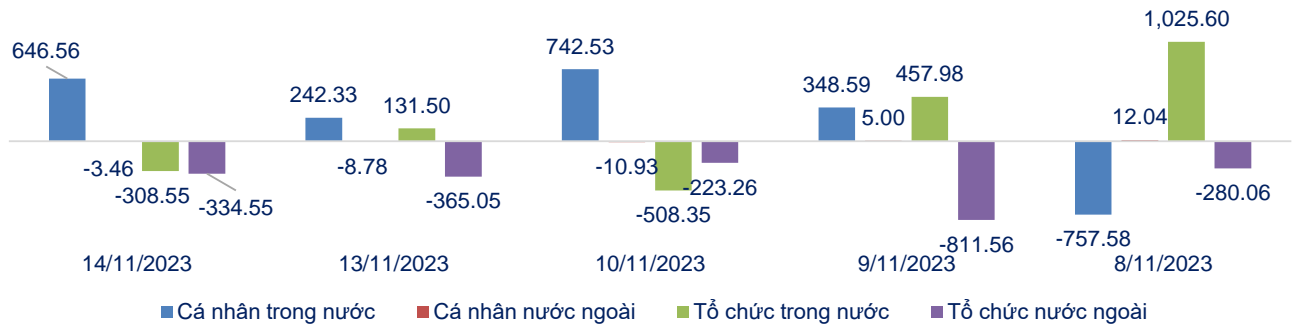
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	2.53	0.8%	122	160.2	1.6
VC7	2.44	6.2%	669	24.2	1.5
SHS	2.41	5.4%	643	27.2	1.4
EVS	2.37	5.9%	688	12.3	0.7
VIG	2.28	6.8%	501	15.0	1.0





## THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



## Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	157.21	3.0%	476	84.0	2.5
VNM	152.80	24.4%	4,029	17.0	4.2
HPG	106.71	1.9%	322	84.5	1.6
EIB	76.40	8.3%	1,013	17.6	1.4
TCB	75.66	14.2%	4,864	6.4	0.9

## Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-90.14	8.9%	1,346	23.4	2.1
NVL	-88.94	-1.4%	(309)	-	0.7
PDR	-43.76	1.6%	200	131.8	2.1
HSG	-40.74	0.2%	37	579.2	1.2
STB	-39.20	17.5%	3,825	7.6	1.3

## Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	2.08	15.7%	3,773	7.8	1.2
SAB	1.47	16.5%	3,286	18.7	3.0
DXG	1.07	-2.0%	(456)	-	0.9
VHM	0.81	25.0%	9,468	4.4	1.0
NVL	0.78	-1.4%	(309)	-	0.7

## Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-3.81	8.9%	1,346	23.4	2.1
SHB	-1.28	15.9%	2,036	5.4	0.8
PDR	-1.27	1.6%	200	131.8	2.1
DGC	-1.25	29.7%	9,010	10.4	2.8
VRE	-1.10	11.8%	1,818	12.9	1.5

## Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	89.29	-1.4%	(309)	-	0.7
FUEVFVND	32.47	N/A	N/A	N/A	N/A
GEX	29.35	2.0%	511	43.1	0.9
VHM	29.00	25.0%	9,468	4.4	1.0
PNJ	23.81	19.8%	5,505	13.8	2.6

## Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	-75.66	14.2%	4,864	6.4	0.9
EIB	-71.85	8.3%	1,013	17.6	1.4
CTR	-39.76	29.0%	4,346	18.2	4.9
HDB	-38.53	20.7%	2,926	6.4	1.3
HPG	-36.97	1.9%	322	84.5	1.6

## Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	93.48	8.9%	1,346	23.4	2.1
STB	73.86	17.5%	3,825	7.6	1.3
HSG	33.78	0.2%	37	579.2	1.2
VCG	33.27	2.8%	516	45.0	1.2
DGC	31.07	29.7%	9,010	10.4	2.8

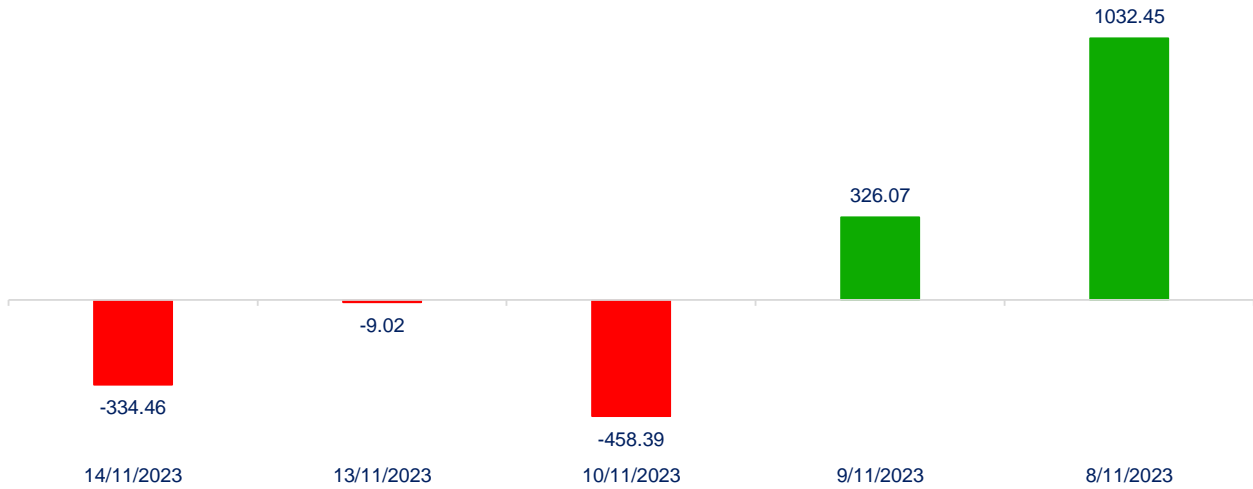
## Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-135.43	24.4%	4,029	17.0	4.2
MWG	-130.03	3.0%	476	84.0	2.5
VHM	-72.93	25.0%	9,468	4.4	1.0
HPG	-69.83	1.9%	322	84.5	1.6
VCB	-35.09	22.6%	6,013	14.2	3.0

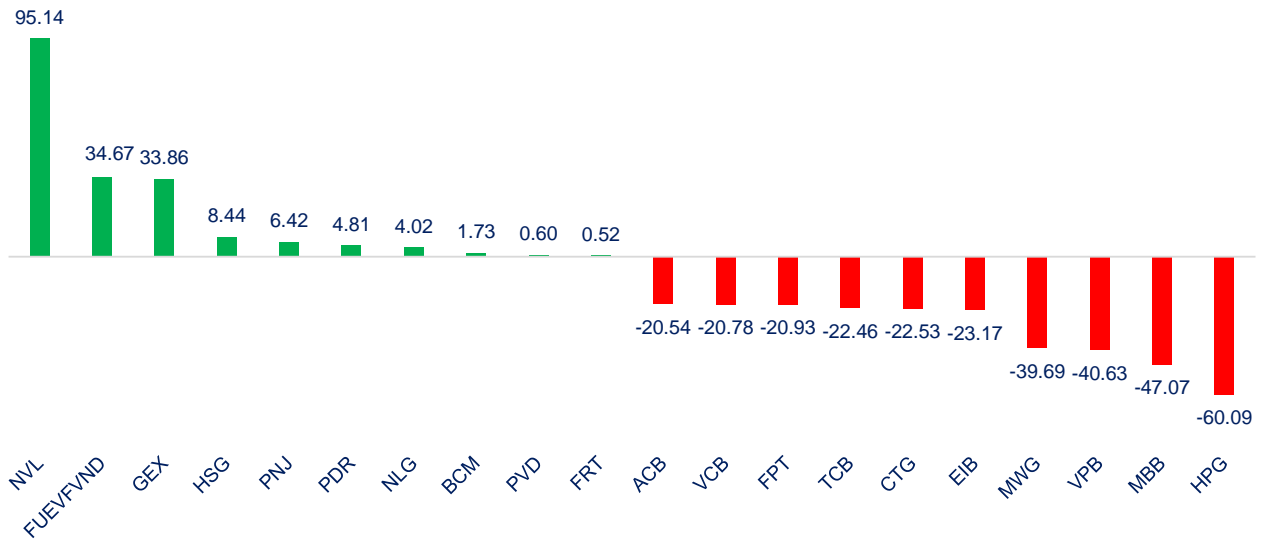


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)